

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ

Mã số: 9720801

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	BỘ Y TẾ
------------------------	---------

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYHN ngày / /2022)

Chuyên ngành: Quản lý y tế

Mã số: 9720801

Thời gian đào tạo: 3 – 4 năm

Hà Nội - 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Lý do và căn cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	1
1.2. Thời gian xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo.....	2
1.3. Cơ sở đào tạo.....	2
1.4. Tên chương trình đào tạo.....	2
1.5. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ.....	2
1.6. Chuyên ngành đào tạo.....	2
1.7. Mã số: 9720801.....	2
1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo.....	2
1.9. Phương thức đào tạo:.....	2
1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh.....	2
1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình.....	2
1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp: Tiến sĩ.....	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2.1. Mục tiêu chung.....	3
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	3
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	3
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	4
3.4. Các chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo.....	4
4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP.....	5
6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP....	7
7.1. Phương pháp giảng dạy.....	7
7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	7
8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ.....	7
8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng.....	7
8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ.....	11
9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU.....	12
9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn.....	12
9.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học.....	12
9.3. Học liệu.....	12

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	14
10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	15
10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	15
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
11.1. Tiến trình đào tạo.....	15
11.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo toàn khóa.....	16
12. DANH SÁCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN KÈM THEO BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	16

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Lý do và căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý y tế Trường Đại học Y Hà Nội xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực theo trình độ tiến sĩ. Việc xây dựng chương trình đào tạo dựa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn chương trình đào tạo và căn cứ vào các văn bản pháp lý sau:

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
3. Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.
5. Quyết định 3856/QĐ-ĐHYHN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội về việc ban hành Quyết định hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ.
6. Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;
7. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học.
8. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
9. Công văn số 2382/SĐH-ĐHYHN ngày 10/10/2022 về Kế hoạch xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo Sau đại học.
10. Chương trình đào tạo tiến sĩ Y tế Công cộng theo Quyết định số 20/QĐ-ĐHYTCC ngày 10/01/2022,
11. Chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý bệnh viện theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHYTCC ngày 10/01/2022.
12. Chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý y tế theo Quyết định số 721/QĐ-DHYHN ngày 20/3/2018

13. Biên bản họp các bên liên quan: Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế, Sở Y tế, bệnh viện, trung tâm y tế.

1.2. Thời gian xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo

- Thời gian xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo: 2022
- Quyết định ban hành: 2022
- Thời gian chỉnh sửa bản mô tả chương trình đào tạo: 2023

1.3. Cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Y Hà Nội (Hanoi Medical University)
- Các cơ sở thực hành: Viện có các phòng xét nghiệm, các phòng học, giảng đường, labo với các trang thiết bị đủ phục vụ cho giảng dạy lý thuyết, thực hành, làm luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra Viện còn có các cơ sở liên kết đào tạo, hỗ trợ phục vụ cho học viên thực tập và làm Luận án tốt nghiệp như: các Viện nghiên cứu, các Trung tâm nghiên cứu, Viện chuyên ngành, Bệnh viện, Trung tâm Y tế, trạm y tế xã (danh sách các cơ sở thực hành trong phụ lục).

1.4. Tên chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý y tế

1.5. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

1.6. Chuyên ngành đào tạo

- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Việt): Quản lý y tế
- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Anh): Health management

1.7. Mã số: 9720801

1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.9. Phương thức đào tạo:

- Tổ chức đào tạo theo tín chỉ

1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình

- Có đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Y Hà Nội;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà Trường;

- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp: Tiến sĩ

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo chuyên gia có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, thực tiễn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý, góp phần xây dựng và thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Ứng dụng được nguyên lý của khoa học quản lý, khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong xây dựng và phát triển tổ chức.

MT2. Ứng dụng được các bằng chứng trong xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược, chính sách, tổ chức điều hành đảm bảo hiệu quả và hiệu suất các hoạt động y tế

MT3. Chủ trì được các nghiên cứu, hướng dẫn và tư vấn khoa học trong lĩnh vực quản lý y tế và tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

MT4. Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong điều hành lĩnh vực quản lý y tế và tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1.1. Kiến thức

PLOK1. Vận dụng các nguyên lý của khoa học hành vi, văn hóa tổ chức và các kiến thức liên ngành về khoa học quản lý trong xây dựng và phát triển tổ chức.

PLOK2. Vận dụng các nguyên lý, học thuyết cơ bản trong xây dựng, triển khai, đánh giá chính sách y tế và nghiên cứu hệ thống y tế.

3.1.2. Kỹ năng

PLOS1. Điều hành, hướng dẫn và tư vấn nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin về lĩnh vực quản lý y tế.

PLOS2. Chủ trì thực hiện các nghiên cứu ứng dụng về quản lý y tế để cung cấp bằng chứng cho công tác xây dựng chính sách và quản lý cơ sở y tế.

PLOS3. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực để giải quyết các vấn đề của cơ sở y tế.

PLOS4. Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tham gia giảng dạy đại học và sau đại học chuyên ngành quản lý y tế.

PLOS5. Ứng dụng kỹ năng lãnh đạo và quản lý y tế trong điều hành và phát triển cơ sở y tế.

3.1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLOA1. Tâm huyết, trung thực, khách quan trong việc cung cấp các bằng chứng cho lập kế hoạch và quản lý các hoạt động/ chương trình y tế.

PLOA2. Tôn trọng và tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện nhiệm vụ.

PLOA3. Chủ trì việc đào tạo nhân lực, chủ động nâng cao năng lực bản thân và hướng dẫn đồng nghiệp.

PLOA4. Đề xuất các ý tưởng, kiến thức mới về quản lý y tế và cung cấp dịch vụ y tế trong bối cảnh thay đổi.

PLOA5. Thể hiện vai trò chuyên gia khi đưa ra ý kiến trong lĩnh vực quản lý y tế và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý y tế có thể làm việc ở một số vị trí sau:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở y tế bao gồm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, bệnh viện, Viện nghiên cứu, trung tâm y tế huyện...
- Giảng viên tại các trường đại học và cao đẳng y tế.
- Các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ có khả năng tự học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm.

3.4. Các chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học.
3. Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Công văn số 2196/BGDĐT- GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo”.

5. Nghị định số 111/2017-NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

6. Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Điều kiện văn bằng: Là các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ /BSNT/CK1/CK2. Nội dung văn bằng được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

- Thâm niên công tác: Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

- Ngoại ngữ: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

- Tiêu chuẩn khác: Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm.

5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

Để tốt nghiệp, nghiên cứu sinh phải hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học là 93 tín chỉ với BSNT/ThS/CKI và 125 tín chỉ với nghiên cứu sinh có bằng Đại học.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Tên học phần	Đầu vào: Đại học loại giỏi	Đầu vào: BSNT, ThS, CKI	Đầu vào: CKII
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	9	4	0
	Ngoại ngữ (tự học nộp chứng chỉ theo quy định): Bậc 4/6 (tương đương với chứng chỉ tiếng Anh B2); TOEFL iBT 46; IELTS từ 5.5 trở lên.			

Mã học phần	Tên học phần	Đầu vào: Đại học loại giỏi	Đầu vào: BSNT, ThS, CKI	Đầu vào: CKII
C1	Triết học (Bắt buộc)	3		
C2	Phương pháp NCKH nâng cao	4	4	0
C3	Học phần tự chọn (<i>Chọn 1/2 học phần</i>)	2		
-	<i>Phương pháp giảng dạy đại học</i>			
-	<i>Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu</i>			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	0	0
CS1	Cơ sở 1: Lãnh đạo và quản lý y tế	2		
CS2	Cơ sở 2: Đánh giá công nghệ y tế	2		
HT1	Hỗ trợ 1: Quản lý thông tin y tế	4		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	18	0	0
3.1	Học phần bắt buộc			
CN1	<i>Quản lý bệnh viện</i>	5		
CN2	<i>Quản lý chất lượng bệnh viện</i>	5		
CN3	<i>Quản lý nhân lực bệnh viện</i>	5		
CN4	Marketing bệnh viện	3		
III	HỌC PHẦN TIẾN SĨ	9	9	0
HP1	Học phần 1 Chính sách y tế	3	3	Tích lũy CN5-CKII: 3 tín chỉ
HP2	Học phần 2 Lãnh đạo và kỹ năng quản lý	3	3	Tích lũy CN6-CKII: 3 tín chỉ
HP3	Học phần 3 Hành vi tổ chức	3	3	Tích lũy CN7-CKII: 3 tín chỉ
IV	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	80	80	80
TQ	Tiểu luận tổng quan	4	4	4
CĐ1	Chuyên đề 1: theo nghiên cứu	2	2	2

Mã học phần	Tên học phần	Đầu vào: Đại học loại giỏi	Đầu vào: BSNT, ThS, CKI	Đầu vào: CKII
CD2	Chuyên đề 2: theo nghiên cứu	2	2	2
CD3	Chuyên đề 3: theo nghiên cứu	2	2	2
LA	Luận án	70	70	70
	Tổng khoá học	124	93	80

Ghi chú : học phần chính sách y tế và nghiên cứu hệ thống y tế bổ sung thêm 1 tín chỉ lý thuyết về nghiên cứu hệ thống y tế so với chương trình chuyên khoa 2 quản lý y tế

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

7.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Dạy-học dựa trên tình huống/ vấn đề (cá nhân, nhóm)
- Thực hành tại giảng đường, cơ sở y tế
- Làm luận án

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá học phần

Đánh giá quá trình: Điểm thực hành/bài tập/chuyên cần: 40%

Đánh giá kết thúc: Điểm thi kết thúc học phần: 60%.

Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần, được làm tròn với một số thập phân.

Đánh giá tại Hội đồng bảo vệ luận án cơ sở

Hội đồng gồm 5 thành viên và 4/5 thành viên trong Hội đồng thông qua trở lên mới được đưa ra đánh giá ở Hội đồng cấp trường.

Đánh giá tại Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường

Hội đồng gồm 5 thành viên, trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 2 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 2 người.

8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng

8.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	PGS.TS	Nguyễn Hoàng Long	Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, BYT	YTCC/YHDP
2	PGS.TS	Nguyễn Thị Hoài Thu	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
3	TS	Trần Thị Nga	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
4	TS	Nguyễn Hữu Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
5	GS.TS	Lê Thị Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
6	PGS.TS	Phạm Văn Phú	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
7	PGS.TS	Nguyễn Quang Dũng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
8	TS	Nguyễn Thùy Linh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
9	PGS.TS	Kim Bảo Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
10	TS	Phạm Bích Diệp	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
11	PGS.TS	Phạm Huy Tuấn Kiệt	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
12	PGS.TS	Trần Xuân Bách	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
13	PGS.TS	Nguyễn Đăng Vững	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản
14	PGS.TS	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản
15	PGS.TS	Trần Thị Thanh Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y đức và Tâm lý y học
16	TS	Trần Thơ Nhị	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y đức và Tâm lý y học

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
17	PGS.TS	Lê Thị Hoàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
18	PGS.TS	Trần Quỳnh Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
19	TS	Nguyễn Thị Phương Oanh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
20	PGS.TS	Lê Thị Thanh Xuân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
21	PGS.TS	Đỗ Thị Thanh Toàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh
22	PGS.TS	Lê Minh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
23	TS	Nguyễn Xuân Bình Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
24	TS	Lê Vĩnh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
25	TS	Hoàng Thị Hải Vân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
26	ThS	Phùng Thanh Hùng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
27	ThS.BS NT	Ngô Trí Tuấn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
28	ThS	Nguyễn Thị Thu Hà	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
29	ThS	Nguyễn Trọng Tài	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
30	ThS	Văn Đình Hòa	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
31	BSNT	Nguyễn Thị Hương Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
32	BSNT	Nguyễn Thị Thu Hường	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
33	ThS	Lê Xuân Hưng	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
34	ThS	Lưu Ngọc Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
35	ThS	Đinh Thái Sơn	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
36	ThS	Phan Thanh Hải	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC và thống kê y sinh
37	ThS	Lê Vũ Thúy Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
38	ThS	Lê Thị Vũ Huyền	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y đức và Tâm lý y học
39	ThS	Nguyễn Thị Thu Thủy	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y đức và Tâm lý y học
40	ThS	Nguyễn Thị Hồng Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y đức và Tâm lý y học
41	ThS	Tạ Hoàng Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
42	ThS	Nguyễn Thị Diễm Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
43	ThS	Phạm Phương Mai	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
44	ThS	An Thanh Ly	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
45	ThS	Đoàn Ngọc Thủy Tiên	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
46	ThS	Lê Đình Luyện	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế

(Lưu ý: Ths, BSNT thì chỉ được trợ giảng, hoặc hướng dẫn thực hành cho học viên SDH)

8.1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng(không quá 50% tổng số giảng viên

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	TS	Trần Thị Mai Oanh	Viện Chiến lược và Chính sách Y tế	QLYT

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
2	TS	Nguyễn Hồng Sơn	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
3	PGS.TS	Nguyễn Tuấn Hưng	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
4	PGS.TS	Lương Ngọc Khuê	Cục QLKCB, Bộ Y tế	QLYT
5	TS	Phạm Quốc Hùng	Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển	YTCC/YHDP
6	PGS.TS	Nguyễn Thị Thi Thơ	Viện VSĐT TW	YTCC/YHDP
7	TS	Đặng Đức Hoàn	Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây	QLBV
8	PGS. TS	Lương Mai Anh	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
9	TS	Nguyễn Văn Công	Ban Bảo vệ, Chăm sóc Sức khỏe Cán bộ TW	YTCC/YHDP
10	TS	Nguyễn Công Luật	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
11	TS	Nguyễn Thành Chung	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
14	TS	Vũ Trọng Dược	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
15	TS	Lê Thị Thanh Hương	Bệnh viện Tim Hà Nội	YTCC/YHDP
16	PGS.TS	Dương Thị Hồng	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
17	PGS.TS	Phan Thị Thu Hương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
18	PGS.TS	Trần Thị Giáng Hương	Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)	YTCC/YHDP
19	TS	Dương Huy Lương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
20	TS	Nguyễn Đức Khoa	Bộ Y tế	YTCC/YHDP

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
21	TS	Trần Văn Sơn	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
22	TS	Phạm Quang Thái	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
23	TS	Dương Công Thành	Văn phòng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ tại Hà Nội	YTCC/YHDP

8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ

Viện có hệ thống các phòng chức năng: Phòng Đào tạo-Nghiên cứu khoa học-Hợp tác Quốc tế, Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị, Phòng Tài chính Kế toán và các Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo và Chăm sóc Sức khỏe cộng đồng, Labo trung tâm.

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn

9.1.1. Học lý thuyết

Các bộ môn, giảng đường của Viện tại: Nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Hà Nội

9.1.2. Học thực hành

- Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổ chức cán bộ, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng quản lý chất lượng, bộ phận chăm sóc khách hàng, phòng công nghệ thông tin của các bệnh viện và trung tâm y tế.

9.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học

- Máy tính, màn chiếu, màn chiếu thông minh, bàn ghế,... phục vụ học tập
- Thư viện số Viện Đào tạo YHDP & YTCC
- Các dụng cụ, máy móc tại Labo trung tâm
- Máy tính tại phòng máy

9.3. Học liệu

9.3.1. Tài liệu học tập chính

- Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học (Tập 1 - Lập kế hoạch trong nghiên cứu), Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Thống kê y học cơ bản Nhà xuất bản y học
- Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Thực hành thống kê và tin học y học Nhà xuất bản y học
- Trường Đại học Y Hà Nội (2020). Truyền Thông và Nâng cao sức khỏe - Sách đào tạo Sau đại học– Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Quản lý Dự án, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng quản lý và chính sách y tế (dùng cho đối tượng SDH, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2022). Quản lý bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) Nhà xuất bản lao động.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản trị bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) Nhà xuất bản y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản lý và Lãnh đạo. Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y tế công cộng (2015). Quản lý nhân lực y tế. Nhà xuất bản Y học.
- Phạm Trí Dũng (2011). Nguyên lý Quản lý. Nhà xuất bản Lucky House.
- Robert N.Lussier and Christopher F.Achua (2007). Leadership: Theory, Application & Skill Development.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Nhà xuất bản Y Học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2012), Đại cương Nhân học và XHH y tế, Nhà xuất bản Y học.

9.32. Tài liệu tham khảo

- Principles of Biostatistics (2nd edition) | Marcello Pagano, Kimberlee Gauvreau
- Brnard Rosner (2016). Fundamentals of Biostatistics. 8th Edition. Brooks/Cole Publishing Co.
- Kleinbaum, D. G., Sullivan, K. M., & Barker, N. D. (2013). ActivEpi companion textbook: A supplement for use with the ActivEpi CD-ROM. Springer Science & Business Media.
- Eric Vittinghoff, David V. Glidden, Stephen C. Shiboski, Charles E. McCulloch (2012). Chapter 4,5,6. Regression Methods in Biostatistics.
- Bernard Rosner (2016). Chapter 11, 13, 14. Fundamentals of Biostatistics
- Sloman, J and Wride, A. ed., (2009). Economics. 7th ed. London: Prentice Hall

- Mankiw, N Gregory (2021). Principles of macroeconomics / N. Gregory Mankiw, Harvard University. - 9th edition. - AustraliaBoston, MA : Cengage Learning.

- Carl I. Fertman, Diane D. Allensworth. Health Promotion programs (2010): From theory to practice. Published by Jossey-BassA Wiley Imprint 989 Market Street, San Francisco, CA 94103-1741;91-171.

- WHO Regional Office for Europe (2016). Health risk assessment of air pollution-general principles. Copenhagen

- Manga L, Bagayoko M, Meredith T, Neira M (2010): Overview of health considerations within National Adaptation Programmes of Action for climate change in least developed countries and small island states. World Health Organization; [http://www.who.int/phe/Health_in_NAPAs_final.pdf].

- Kleinbaum, D. G., Sullivan, K. M., & Barker, N. D. (2013). ActivEpi companion textbook: A supplement for use with the ActivEpi CD-ROM. Springer Science & Business Media

- Global health sector strategy on Sexually Transmitted Infections, 2016-2021

- Schwalbe, K. & Furlong, D. (2013), An Introduction to Project, Program, and Portfolio Management in Healthcare (Chapter 1), in Healthcare Project Management.

- Olney, C.A., Backus, J.E.B. & Klein, L.J. (2010), Characteristics of project management at institutions sponsoring National Library of Medicine MedlinePlus Go Local, Journal of Medical Library. Assoc. 2010 Jan; 98(1): 65–72. doi: 10.3163/1536-5050.98.1.018.

- Nebiu, B., Project proposal writing, ed. I. Simon and C. Stancu. (2002), Szentendre, Hungary: The Regional Environmental Center for Central and Eastern Europe.

- Lars Dahlgren, Maria Emmelin, Anna Winkt. 2007. Qualitative methodology for international Public health.

Học viên học tập tại viện được sử dụng tài liệu tham khảo từ các nguồn sau:

- Thư viện số Viện Đào tạo YHDP & YTCC
- Thư viện Trường Đại học Y Hà nội: Sách, Tạp chí, luận văn tốt nghiệp.
- Thư viện Quốc gia.
- Viện Thông tin Y học Trung ương
- Trung tâm Thông tin môi trường- Bộ KHCN Môi trường.
- Thư viện Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

- Thư viện Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường.
- Thường xuyên trao đổi chuyên môn trong các buổi sinh hoạt khoa học.

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)	
	PLOK1	PLOK2
MT1	3	3
MT2	3	3
MT3	3	3
MT4	2	2

10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)				
	PLOS1	PLOS2	PLOS3	PLOS4	PLOS5
MT1	3	3	3	3	3
MT2	3	3	3	1	3
MT3	3	3	3	3	1
MT4	1	1	2	1	3

10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)				
	PLOA1	PLOA2	PLOA3	PLOA4	PLOA5
MT1	3	2	1	2	3
MT2	2	2	1	2	3
MT3	3	2	3	3	3
MT4	3	2	3	3	3

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Tiến trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tiến trình			
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	9	X	X		
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	9	X			
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	18	X			
IV	HỌC PHẦN TIỀN SĨ	9	X	X		
V	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	80		X		
	LUẬN ÁN		X	X	X	X
	Tổng khoá học	124				

11.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo toàn khóa

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo: 124 tín chỉ (4 năm) 93 tín chỉ (3 năm)

- Nghiên cứu sinh hệ 3 năm hoàn thành các môn chuyên ngành trong năm 1, hoàn thành chuyên đề tổng quan trong năm 2, hoàn thành luận án trong năm 3.

- Nghiên cứu sinh hệ 4 năm hoàn thành các môn bổ sung trong năm 1,2, hoàn thành chuyên đề tổng quan trong năm 2, hoàn thành luận án trong năm 4.

12. DANH SÁCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN KÈM THEO BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đề cương chi tiết học phần: Phương pháp NCKH nâng cao
2. Đề cương chi tiết học phần: chính sách y tế
3. Đề cương chi tiết học phần: Lãnh đạo và kỹ năng quản lý
4. Đề cương chi tiết học phần: Hành vi tổ chức